

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Huyện Tân Hiệp

Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2023/HNGĐ- ST

Ngày 31/03/2023

V/v “xin ly hôn và chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Lệ Hoa

2. Bà Nguyễn Thị Việt Tím

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Đình – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 31 tháng 03 năm 2023. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2021/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về vụ kiện: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích L, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 04, ấp P H, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

- Bị Đơn: Ông Đặng Phú S, sinh năm 1969 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: tổ 04, ấp P H, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và tại phiên tòa bà Lê Thị Bích L trình bày: Tôi và anh Đặng Phú S chung sống với nhau vào năm 1991, vợ chồng có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 25 tháng 10 năm 2002 tại UBND xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang. Trước khi chung sống, tôi và anh S có quen biết, có tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến năm 2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, và thường xuyên không về nhà, không có quan tâm và không có trách nhiệm với vợ con, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Tôi có khuyên anh S nhiều lần nhưng anh S không nghe vãn chứng nào tât ấy. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn. Do đó tôi đã sống ly thân với anh S từ năm 2021 cho đến nay.

- Về con chung: Vợ chồng 03 có con chung gồm:

1. Đặng Tổ M, sinh năm 1992.
2. Đặng Tú U, sinh năm 1995.
3. Đặng Phú K, sinh năm 2002.

Các cháu hiện nay đã trưởng thành.

- Về tài sản chung của vợ chồng: gồm có như sau:

1/ Phần đất diện tích $3.002,4m^2$, trong đó đất ở là $50,0m^2$, đất trồng cây lâu năm là $101,9m^2$, tại thửa đất số 469, tờ bản đồ số 18, đất trồng lúa là $2.850,5m^2$ thửa đất số 467 tờ bản đồ số 18, theo GCNQSDĐ số: BU 128557 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08/09/2014, đứng tên ông Đặng Phú S, phần đất tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Phần đất này hiện nay do vợ chồng tôi quản lý và sử dụng.

2/ Phần đất hai lúa diện tích $9.334,4m^2$ tại thửa đất số 54, 55 tờ bản đồ số 18 theo GCNQSDĐ số: 763234 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 12 tháng 06 năm 1993, đứng tên bà Lê Thị Bích L, phần đất tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Phần đất này hiện nay do vợ chồng tôi quản lý và sử dụng.

3/ Phần đất hai lúa diện tích $10.518,1m^2$ tại thửa đất số 408 tờ bản đồ số 18 theo GCNQSDĐ số: 861643 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08 tháng 11 năm 1999 đứng tên Đặng Phú S, phần đất này tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Phần đất này hiện nay do vợ chồng tôi quản lý và sử dụng.

4/ Phần đất hai lúa diện tích $5139,4m^2$ tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 18 theo GCNQSDĐ số: 548504 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 25 tháng 09 năm 2003 và được điều chỉnh biên động quyền sử dụng đất ngày 11 tháng 11 năm 2009 đứng tên ông Đặng Phú S, phần đất này tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, phần đất lúa này hiện nay vợ chồng tôi đang quản lý và sử dụng.

Tổng giá trị của 04 phần đất trên theo Công ty TNHH Định Giá Tư Vấn Xây Dựng Định Vượng là 1.977.446.000đ (một tỷ chín trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

5/ Vợ chồng tôi có xây một căn nhà cấp bốn dưới mé sông vào năm 2016, vách tường xây, mái lợp tôn, nền lát gạch men, căn nhà có diện tích $161,84 m^2$. Căn nhà tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo giá trị theo giá trị định giá của Công ty TNHH Định Giá Tư Vấn Xây Dựng Định Vượng là 307.412.167đ (ba trăm lẻ bảy triệu bốn trăm mười hai nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng). Mặt khác trong căn nhà cấp bốn của vợ chồng tôi gồm có nội thất trong nhà như sau: 01 tủ nhôm quần áo theo giá trị định giá là 2.376.000đ (hai triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), 01 tủ nhôm để đồ theo giá trị định giá là 3.060.000đ (ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng), 01 tủ nhôm để chén theo giá trị định giá là 1.320.000đ (một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng), 01 tủ trung bày theo giá trị định giá là 1.620.000đ (một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng), 01 tủ lạnh LG GR-L333BS theo giá trị định giá là 3.700.000đ (ba triệu bảy trăm nghìn đồng), 01 Tivi Samsung theo giá trị định giá là 3.350.000đ (ba triệu ba trăm năm

mười nghìn đồng), 01 máy giặt Samsung theo giá trị định giá là 3.000.000đ (ba triệu đồng), 01 bộ Salon 05 món theo giá trị định giá là 11.700.000đ (mười một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị định giá các tài sản trên bao gồm 04 phần đất, 01 căn nhà cấp bốn và nội thất trong nhà theo Công ty TNHH Định Giá Tư Vấn Xây Dựng Định Vượng là 2.314.984.343đ (hai tỷ ba trăm mười bốn triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm bốn mươi ba đồng).

- Về phần nợ chung: không có.

Tại phiên tòa bà L yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với anh Đặng Phú S.

Về quan hệ con chung: Hiện nay các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tôi yêu cầu chia đôi tài sản chung là 2.314.984.343đ (hai tỷ ba trăm mười bốn triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm bốn mươi ba đồng), mỗi người nhận một nửa giá trị tài sản, tôi nhận 1.157.492.171đ (một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn một trăm bảy mươi một đồng), anh S nhận 1.157.492.171đ (một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn một trăm bảy mươi một đồng). Tôi xin nhận tài sản là 04 phần đất, 01 căn nhà cấp bốn và nội thất trong nhà để quản lý và sử dụng bao gồm:

- Phần đất diện tích 3.002,4m², trong đó đất ở là 50,0m², đất trồng cây lâu năm là 101,9m², tại thửa đất số 469, tờ bản đồ số 18, đất trồng lúa là 2.850,5m² thửa đất số 467 tờ bản đồ số 18, theo GCNQSDĐ số: BU 128557 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08/09/2014, đứng tên ông Đặng Phú S, phần đất tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, phần đất lúa này hiện nay vợ chồng tôi đang quản lý và sử dụng.

- Phần đất hai lúa diện tích 9.334,4m² tại thửa đất số 54, 55 tờ bản đồ số 18 theo GCNQSDĐ số: 763234 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 12 tháng 06 năm 1993, đứng tên bà Lê Thị Bích L, phần đất tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, phần đất lúa này hiện nay vợ chồng tôi đang quản lý và sử dụng.

- Phần đất hai lúa diện tích 10.518,1m² tại thửa đất số 408 tờ bản đồ số 18 theo GCNQSDĐ số: 861643 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08 tháng 11 năm 1999 đứng tên Đặng Phú S, phần đất này tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, phần đất lúa này hiện nay vợ chồng tôi đang quản lý và sử dụng.

- Phần đất hai lúa diện tích 5.139,4m² tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 18, theo GCNQSDĐ số: 548504 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 23 tháng 10 năm 2009 và được chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất ngày 11 tháng 11 năm 2009 đứng tên ông Đặng Phú S, phần đất này tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, phần đất lúa này hiện nay vợ chồng tôi đang quản lý và sử dụng.

- 01 căn nhà cấp bốn dưới mé sông, vách tường xây, mái lợp tôn, nền lát gạch men, căn nhà có diện tích 161,84 m². Căn nhà tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân hiệp, tỉnh Kiên Giang và nội thất trong nhà như sau: 01 tủ nhôm quần áo, 01 tủ nhôm để

đồ, 01 tủ nhôm để chén, 01 tủ trưng bày, 01 tủ lạnh LG GR-L333BS, 01 Tivi Samsung, 01 máy giặt Samsung, 01 bộ Salon 05 món.

Đồng thời tôi sẽ thanh toán lại cho anh S số tiền chia tài sản chung là 1.157.492.171đ (một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn một trăm bảy mươi một đồng).

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn ông Đặng Phú S trình bày:** Tòa án đã tổng đạt các văn bản và tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định chung của Bộ luật tố tụng dân sự cho ông Đặng Phú S nhưng tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì ông S đều vắng mặt không lý do và cũng như tại phiên tòa hôm nay thì ông S vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt khi Tòa án triệu tập làm việc và hôm nay vắng mặt tại phiên tòa, do đó chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó căn cứ Điều 227, Điều 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 33, Điều 34, Điều 38, Điều 51, Điều 56, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích L.

Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Bích L và ông Đặng Phú S được ly hôn.

Về quan hệ con chung: các con đã trưởng thành, nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung: Mỗi người nhận một nửa giá trị tài sản, bà L nhận 1.157.492.171đ (một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn một trăm bảy mươi một đồng), ông S nhận 1.157.492.171đ (một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn một trăm bảy mươi một đồng). Giao cho bà Lê Thị Bích L được nhận toàn bộ tài sản gồm: 04 phần đất, 01 căn nhà cấp bốn và nội thất trong nhà để quản lý và sử dụng như sau:

- Phần đất diện tích 3.002,4m², trong đó đất ở là 50,0m², đất trồng cây lâu năm là 101,9m², tại thửa đất số 469, tờ bản đồ số 18, đất trồng lúa là 2.850,5m² thửa đất số 467 tờ bản đồ số 18, theo GCNQSDĐ số: BU 128557 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08/09/2014, phần đất tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Phần đất hai lúa diện tích 9.334,4m² tại thửa đất số 54, 55 tờ bản đồ số 18 theo GCNQSDĐ số: 763234 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 12 tháng 06 năm 1993, phần đất tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Phần đất hai lúa diện tích 10.518,1m² tại thửa đất số 408 tờ bản đồ số 18 theo GCNQSDĐ số: 861643 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08 tháng 11 năm 1999, phần đất này tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Phần đất hai lúa diện tích 5.139,4m² tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 18, theo GCNQSDĐ số: 548504 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 23 tháng 10 năm 2009 và được chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất ngày 11 tháng 11 năm 2009, phần đất này tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Bốn phần đất trên theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/03/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp cùng tờ trích đo địa chính số: TĐ 47-2022 (54, 55, 469, 467, 408, -18) ngày 23/03/2022 và tờ trích đo địa chính số: TĐ 46-2022 (59 - 18) ngày 23/03/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Một căn nhà cấp bốn dưới mé sông, vách tường xây, mái lợp tôn, nền lát gạch men, căn nhà có diện tích 161,84 m². Căn nhà tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang và nội thất trong nhà như sau: 01 tủ nhôm quần áo, 01 tủ nhôm để đồ, 01 tủ nhôm để chén, 01 tủ trưng bày, 01 tủ lạnh LG GR-L333BS, 01 Tivi Samsung, 01 máy giặt Samsung, 01 bộ Salon 05 món theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp cùng sơ họa vị trí ngày 25/11/2022 của phòng Kinh tế Hạ Tầng huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Bà Lê Thị Bích L có trách nhiệm thanh toán cho ông Đặng Phú S $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản bằng số tiền là 1.157.492.171đ (một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn một trăm bảy mươi một đồng).

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc bà Lê Thị Bích L phải chịu án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

Về án phí chia tài sản chung: bà Lê Thị Bích L phải chịu án phí chia tài sản chung có giá ngạch là 46.725.000đ (bốn mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006182 ngày 20/12/2021 và biên lai thu số 0002128 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Bà L còn phải chịu án phí số tiền là 20.425.000đ (hai mươi triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ông Đặng Phú S phải chịu án phí chia tài sản chung có giá ngạch là 46.725.000đ (bốn mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng)

Về chi phí tố tụng: buộc bà Lê Thị Bích L và ông Đặng Phú S phải chịu chi phí thẩm định giá số tiền mỗi người phải nộp lệ phí là 12.850.000đ (mười hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng bà Lê Thị Bích L đã nộp tạm ứng số tiền lệ phí thẩm định giá là 25.700.000đ (hai mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng). Vì vậy buộc ông Đặng Phú S trả cho bà Lê Thị Bích L số tiền lệ phí thẩm định giá là 12.850.000đ (mười hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc bà Lê Thị Bích L và ông Đặng Phú S phải chịu chi phí đo đạc số tiền mỗi người phải nộp lệ phí là 2.086.549đ (hai triệu không trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi chín đồng) nhưng bà L đã nộp tạm ứng số tiền lệ phí đo đạc là 4.173.099đ (bốn triệu một trăm bảy mươi ba nghìn không trăm chín mươi chín đồng). Vì vậy buộc ông

Đặng Phú S trả cho bà Lê Thị Bích L số tiền lệ phí đo đạc là 2.086.549đ (hai triệu không trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi chín đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** ông Đặng Phú S với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay ông S vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tổng đạt và tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định chung của Bộ luật tố tụng dân sự các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Đặng Phú S, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ”. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đặng Phú S là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét lời yêu cầu của bà Lê Thị Bích L về quan hệ hôn nhân, bà xin được ly hôn với ông Đặng Phú S là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông S hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân là do ông S có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, và thường xuyên không về nhà, không có quan tâm và không có trách nhiệm với vợ con, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Bà L có khuyên ông S nhiều lần nhưng ông S không nghe vãn chứng nào tạt ấy. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà L và ông S đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Vì vậy lời yêu cầu của bà L xin được ly hôn với ông S được Tòa án chấp thuận.

[3] **Về quan hệ tài sản chung:** Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Bích L xin chia đôi tài sản chung, bà L yêu cầu được nhận tài sản là 04 phần đất, 01 căn nhà cấp bốn và nội thất trong nhà để quản lý và sử dụng bao gồm:

- Phần đất diện tích 3.002,4m², trong đó đất ở là 50,0m², đất trồng cây lâu năm là 101,9m², tại thửa đất số 469, tờ bản đồ số 18, đất trồng lúa là 2.850,5m² thửa đất số 467 tờ

bản đồ số 18, theo GCNQSDĐ số: BU 128557 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08/09/2014, đứng tên ông Đặng Phú S, phần đất tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Phần đất hai lúa diện tích 9.334,4m² tại thửa đất số 54, 55 tờ bản đồ số 18 theo GCNQSDĐ số: 763234 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 12 tháng 06 năm 1993, đứng tên bà Lê Thị Bích L, phần đất tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Phần đất hai lúa diện tích 10.518,1m² tại thửa đất số 408 tờ bản đồ số 18 theo GCNQSDĐ số: 861643 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08 tháng 11 năm 1999 đứng tên Đặng Phú S, phần đất này tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Phần đất hai lúa diện tích 5.139,4m² tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 18, theo GCNQSDĐ số: 548504 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 23 tháng 10 năm 2009 và được chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất ngày 11 tháng 11 năm 2009 đứng tên ông Đặng Phú S, phần đất này tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Bốn phần đất trên theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/03/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp cùng tờ trích đo địa chính số: TĐ 47-2022 (54, 55, 469, 467, 408, -18) ngày 23/03/2022 và tờ trích đo địa chính số: TĐ 46-2022 (59 - 18) ngày 23/03/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Một căn nhà cấp bốn dưới mé sông, vách tường xây, mái lợp tôn, nền lát gạch men, căn nhà có diện tích 161,84 m². Căn nhà tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang và nội thất trong nhà như sau: 01 tủ nhôm quần áo, 01 tủ nhôm để đồ, 01 tủ nhôm để chén, 01 tủ trưng bày, 01 tủ lạnh LG GR-L333BS, 01 Tivi Samsung, 01 máy giặt Samsung, 01 bộ Salon 05 món theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp cùng sơ họa vị trí ngày 25/11/2022 của phòng Kinh tế Hạ Tầng huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Đồng thời bà Lê Thị Bích L sẽ thanh toán cho ông Đặng Phú S ½ giá trị tài sản bằng số tiền là 1.157.492.171đ (một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn một trăm bảy mươi một đồng) là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì theo quy định tại Điều 33 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân, trừ trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung.

Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng...”.

Do bà Lê Thị Bích L và ông Đặng Phú S trong thời gian chung sống với nhau và sau khi kết hôn, bà L và ông S có tạo lập một số tài sản chung và được Công ty TNHH Định Giá Tư Vấn Xây Dựng Định Vượng định giá theo giá trị định giá như sau:

- Phần đất diện tích $3.002,4m^2$, trong đó đất ở là $50,0m^2$, đất trồng cây lâu năm là $101,9m^2$, tại thửa đất số 469, tờ bản đồ số 18, đất trồng lúa là $2.850,5m^2$ thửa đất số 467 tờ bản đồ số 18, theo GCNQSDĐ số: BU 128557 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08/09/2014, đứng tên ông Đặng Phú S, phần đất tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang theo giá trị định giá là 228.013.080đ tính tròn là 228.013.000đ (hai trăm hai mươi tám triệu không trăm mười ba nghìn đồng).

- Phần đất hai lúa diện tích theo đo đạc thực tế là $9.334,4m^2$ tại thửa đất số 54, 55 tờ bản đồ số 18 theo GCNQSDĐ số: 763234 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 12 tháng 06 năm 1993, đứng tên bà Lê Thị Bích L, phần đất tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang theo giá trị định giá là 653.408.000đ (sáu trăm năm mươi ba triệu bốn trăm lẻ tám nghìn đồng).

- Phần đất hai lúa diện tích theo đo đạc thực tế là $10.518,1m^2$ tại thửa đất số 408 tờ bản đồ số 18 theo GCNQSDĐ số: 861643 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08 tháng 11 năm 1999 đứng tên Đặng Phú S, phần đất này tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang theo giá trị định giá là 736.267.000đ (bảy trăm ba mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

- Phần đất hai lúa diện tích theo đo đạc thực tế là $5.139,4m^2$ tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 18 theo GCNQSDĐ số: 548504 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 25 tháng 09 năm 2003 và được chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất ngày 11 tháng 11 năm 2009 đứng tên ông Đặng Phú S, phần đất này tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang theo giá trị định giá là 359.758.000đ (ba trăm năm mươi chín triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Tổng giá trị của bốn phần đất trên theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/03/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp cùng tờ trích đo địa chính số: TĐ 47-2022 (54, 55, 469, 467, 408, -18) ngày 23/03/2022 và tờ trích đo địa chính số: TĐ 46-2022 (59 - 18) ngày 23/03/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang theo giá trị định giá của Công ty TNHH Định Giá Tư Vấn Xây Dựng Định Vượng là 1.977.446.000đ (một tỷ chín trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Ngoài ra vợ chồng bà L, ông S có xây một căn nhà cấp bốn dưới mé sông vào năm 2016, vách tường xây, mái lợp tôn, nền lát gạch men, căn nhà có diện tích $161,84 m^2$. Căn nhà tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo giá trị định giá của Công ty TNHH Định Giá Tư Vấn Xây Dựng Định Vượng là 307.412.167đ (ba trăm lẻ bảy triệu bốn trăm mười hai nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng). Mặt khác trong căn nhà cấp bốn của vợ chồng bà L, ông S gồm có nội thất trong nhà như sau: 01 tủ nhôm quần áo theo giá trị định giá là 2.376.000đ (hai triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), 01 tủ nhôm để đồ theo giá trị định giá là 3.060.000đ (ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng), 01 tủ nhôm để chén theo giá trị định giá là 1.320.000đ (một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng), 01 tủ trưng bày theo giá trị định giá là 1.620.000đ (một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng), 01 tủ lạnh LG GR-L333BS theo giá trị định giá là 3.700.000đ (ba triệu bảy trăm nghìn đồng), 01 Tivi Samsung theo giá trị định giá là 3.350.000đ (ba triệu ba

trăm năm mươi nghìn đồng), 01 máy giặt Samsung theo giá trị định giá là 3.000.000đ (ba triệu đồng), 01 bộ Salon 05 món theo giá trị định giá là 11.700.000đ (mười một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị định giá các tài sản trên bao gồm 04 phần đất, 01 căn nhà cấp bốn và nội thất trong nhà theo định giá của Công ty TNHH Định Giá Tư Vấn Xây Dựng Định Vượng là 2.314.984.343đ (hai tỷ ba trăm mười bốn triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm bốn mươi ba đồng).

Do đó Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu chia đôi tài sản chung của bà L. Bởi vì các tài sản trên có được trong quá trình bà L, ông S đang chung sống với nhau và sau khi kết hôn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“ Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau đây:

Hoàn cảnh của gia đình và của vợ, chồng;

Công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập;

Bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp để các bên có điều kiện tiếp tục lao động tạo thu nhập;

Lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng”.

“Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia theo giá trị; bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần chênh lệch”.

Ngoài ra theo quy định tại khoản 1 Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

Trường hợp sở hữu chung có thể phân chia thì mỗi chủ sở hữu chung đều có quyền yêu cầu chia tài sản chung; nếu tình trạng sở hữu chung phải được duy trì trong một thời hạn theo thỏa thuận của các chủ sở hữu chung hoặc theo quy định của luật thì mỗi chủ sở hữu chung chỉ có quyền yêu cầu chia tài sản chung khi hết thời hạn đó; khi tài sản chung không thể chia được bằng hiện vật thì chủ sở hữu chung có yêu cầu chia có quyền bán phần quyền sở hữu của mình, trừ trường hợp các chủ sở hữu chung có thỏa thuận khác.

Chính vì vậy Hội đồng xét xử thống nhất giao cho bà Lê Thị Bích L các tài sản gồm:

- Phần đất diện tích 3.002,4m², trong đó đất ở là 50,0m², đất trồng cây lâu năm là 101,9m², tại thửa đất số 469, tờ bản đồ số 18, đất trồng lúa là 2.850,5m² thửa đất số 467 tờ bản đồ số 18, theo GCNQSDĐ số: BU 128557 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08/09/2014, phần đất tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Phần đất hai lúa diện tích theo đo đạc thực tế là 9.334,4m² tại thửa đất số 54, 55 tờ bản đồ số 18 theo GCNQSDĐ số: 763234 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 12 tháng 06 năm 1993, phần đất tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Phần đất hai lúa diện tích theo đo đạc thực tế là 10.518,1m² tại thửa đất số 408 tờ bản đồ số 18 theo GCNQSDĐ số: 861643 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08 tháng 11 năm 1999, phần đất này tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Phần đất hai lúa diện tích theo đo đạc thực tế là 5.139,4m² tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 18 theo GCNQSDĐ số: 548504 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 25 tháng 09 năm 2003 và được chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất ngày 11 tháng 11 năm 2009, phần đất này tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Bốn phần đất trên theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/03/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp cùng tờ trích đo địa chính số: TĐ 47-2022 (54, 55, 469, 467, 408, -18) ngày 23/03/2022 và tờ trích đo địa chính số: TĐ 46-2022 (59 - 18) ngày 23/03/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Một căn nhà cấp bốn dưới mé sông, vách tường xây, mái lợp tôn, nền lát gạch men, căn nhà có diện tích 161,84 m². Căn nhà tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang và nội thất trong nhà như sau: 01 tủ nhôm quần áo, 01 tủ nhôm để đồ, 01 tủ nhôm để chén, 01 tủ trưng bày, 01 tủ lạnh LG GR-L333BS, 01 Tivi Samsung, 01 máy giặt Samsung, 01 bộ Salon 05 món (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp cùng sơ họa vị trí ngày 25/11/2022 của phòng Kinh tế Hạ Tầng huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang).

Bà Lê Thị Bích L có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền cho ông Đặng Phú S bằng ½ giá trị tài sản theo giá trị định giá là 1.157.492.171đ (một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn một trăm bảy mươi một đồng).

[4] **Về phần nợ chung:** bà L và ông S không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp: Từ những nhận định trên. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp là hoàn toàn phù hợp, có cơ sở chấp nhận theo đúng quy định của pháp luật.

[6] **Về lệ phí thẩm định giá tài sản:** Bà Lê Thị Bích L, ông Đặng Phú S phải nộp lệ phí là 25.700.000đ (hai mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng) theo hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000053 ngày 29/03/2022 và hoá đơn giá trị gia tăng số: 00000005 ngày 23/02/2023 của Công ty TNHH Định Giá Tư Vấn Xây Dựng Định Vượng, bà L, ông S mỗi người phải nộp lệ phí là 12.850.000đ (mười hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng bà L đã nộp tạm ứng số tiền lệ phí thẩm định giá là 25.700.000đ (hai mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng). Vì vậy buộc ông Đặng Phú S trả cho bà Lê Thị Bích L số tiền lệ phí thẩm định giá là 12.850.000đ (mười hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

[7] **Về lệ phí đo đạc:** Bà Lê Thị Bích L, ông Đặng Phú S phải nộp lệ phí là 4.173.099đ (bốn triệu một trăm bảy mươi ba nghìn không trăm chín mươi chín đồng) theo hóa đơn giá trị gia tăng số: 0001065 ngày 22/03/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, bà L, ông S, mỗi người phải nộp lệ phí là 2.086.549đ (hai triệu không trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi chín đồng) nhưng bà L đã nộp tạm ứng số tiền lệ phí đo đạc là 4.173.099đ (bốn triệu một trăm bảy mươi ba nghìn không trăm chín mươi chín đồng). Vì vậy buộc ông Đặng Phú S trả cho bà

Lê Thị Bích L số tiền lệ phí đo đạc là 2.086.549đ (hai triệu không trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi chín đồng).

[8] **Về án phí chia tài sản chung sơ thẩm:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Lê Thị Bích L nộp: $[36.000.000đ + (3\% \times 357.492.171đ)] = 46.724.756đ$ tính tròn là 46.725.000đ (bốn mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006182 ngày 20/12/2021 và biên lai thu số 0002128 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Bà L còn phải nộp số tiền là 20.425.000đ (hai mươi triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ông Đặng Phú S nộp $[36.000.000đ + (3\% \times 357.492.171đ)] = 46.724.756đ$ tính tròn là 46.725.000đ (bốn mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

[9] **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** bà Lê Thị Bích L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 33, Điều 34, Điều 38, khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 207, Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bích L.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Bích L và ông Đặng Phú S được ly hôn.

2. Về tài sản chung: Công nhận các tài sản gồm:

- Phần đất diện tích $3.002,4m^2$, trong đó đất ở là $50,0m^2$, đất trồng cây lâu năm là $101,9m^2$, tại thửa đất số 469, tờ bản đồ số 18, đất trồng lúa là $2.850,5m^2$ thửa đất số 467 tờ bản đồ số 18, theo GCNQSDĐ số: BU 128557 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08/09/2014, phần đất tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Phần đất hai lúa diện tích theo đo đạc thực tế là $9.334,4m^2$ tại thửa đất số 54, 55 tờ bản đồ số 18 theo GCNQSDĐ số: 763234 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 12 tháng 06 năm 1993, phần đất tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Phần đất hai lúa diện tích theo đo đạc thực tế là 10.518,1m² tại thửa đất số 408 tờ bản đồ số 18 theo GCNQSDĐ số: 861643 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08 tháng 11 năm 1999, phần đất này tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Phần đất hai lúa diện tích theo đo đạc thực tế là 5.139,4m² tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 18 theo GCNQSDĐ số: 548504 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 25 tháng 09 năm 2003 và được chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất ngày 11 tháng 11 năm 2009, phần đất này tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/03/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp cùng tờ trích đo địa chính số: TĐ 47-2022 (54, 55, 469, 467, 408, -18) ngày 23/03/2022 và tờ trích đo địa chính số: TĐ 46-2022 (59 - 18) ngày 23/03/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang).

- Một căn nhà cấp bốn dưới mé sông, vách tường xây, mái lợp tôn, nền lát gạch men, căn nhà có diện tích 161,84 m². Căn nhà tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang và nội thất trong nhà như sau: 01 tủ nhôm quần áo, 01 tủ nhôm để đồ, 01 tủ nhôm để chén, 01 tủ trưng bày, 01 tủ lạnh LG GR-L333BS, 01 Tivi Samsung, 01 máy giặt Samsung, 01 bộ Salon 05 món (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp cùng sơ họa vị trí ngày 25/11/2022 của phòng Kinh tế Hạ Tầng huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang).

Là tài sản chung của bà Lê Thị Bích L và ông Đặng Phú S.

3. Giao cho bà Lê Thị Bích L được quyền quản lý và sử dụng các tài sản gồm:

- Phần đất diện tích 3.002,4m², trong đó đất ở là 50,0m², đất trồng cây lâu năm là 101,9m², tại thửa đất số 469, tờ bản đồ số 18, đất trồng lúa là 2.850,5m² thửa đất số 467 tờ bản đồ số 18, theo GCNQSDĐ số: BU 128557 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08/09/2014, phần đất tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Phần đất hai lúa diện tích theo đo đạc thực tế là 9.334,4m² tại thửa đất số 54, 55 tờ bản đồ số 18 theo GCNQSDĐ số: 763234 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 12 tháng 06 năm 1993, phần đất tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Phần đất hai lúa diện tích theo đo đạc thực tế là 10.518,1m² tại thửa đất số 408 tờ bản đồ số 18 theo GCNQSDĐ số: 861643 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08 tháng 11 năm 1999, phần đất này tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Phần đất hai lúa diện tích theo đo đạc thực tế là 5.139,4m² tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 18 theo GCNQSDĐ số: 548504 được UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 25 tháng 09 năm 2003 và được chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất ngày 11 tháng 11 năm 2009, phần đất này tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/03/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp cùng tờ trích đo địa chính số: TĐ 47-2022 (54, 55, 469, 467, 408, -18)

ngày 23/03/2022 và tờ trích đo địa chính số: TĐ 46-2022 (59 - 18) ngày 23/03/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang).

- Một căn nhà cấp bốn dưới mé sông, vách tường xây, mái lợp tôn, nền lát gạch men, căn nhà có diện tích 161,84 m². Căn nhà tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang và nội thất trong nhà như sau: 01 tủ nhôm quần áo, 01 tủ nhôm để đồ, 01 tủ nhôm để chén, 01 tủ trung bày, 01 tủ lạnh LG GR-L333BS, 01 Tivi Samsung, 01 máy giặt Samsung, 01 bộ Salon 05 món (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp cùng sơ họa vị trí ngày 25/11/2022 của phòng Kinh tế Hạ Tầng huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang).

Kiến nghị Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang tiến hành điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và điều chỉnh lại diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự khi các đương sự có yêu cầu, kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

4. Buộc bà Lê Thị Bích L thanh toán tiền bằng ½ giá trị tài sản cho ông Đặng Phú S giá trị bằng tiền là 1.157.492.171đ (một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn một trăm bảy mươi một đồng).

5. Về án phí chia tài sản chung: bà Lê Thị Bích L nộp 46.725.000đ (bốn mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006182 ngày 20/12/2021 và biên lai thu số 0002128 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Bà L còn phải nộp số tiền là 20.425.000đ (hai mươi triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ông Đặng Phú S nộp 46.725.000đ (bốn mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

6. Về lệ phí thẩm định giá tài sản: Bà Lê Thị Bích L và ông Đặng Phú S phải nộp lệ phí là 25.700.000đ (hai mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng) theo hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000053 ngày 29/03/2022 và hoá đơn giá trị gia tăng số: 00000005 ngày 23/02/2023 của Công ty TNHH Định Giá Tư Vấn Xây Dựng Định Vượng, bà L, ông S mỗi người phải nộp lệ phí là 12.850.000đ (mười hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng bà L đã nộp tạm ứng số tiền lệ phí thẩm định giá là 25.700.000đ (hai mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng). Vì vậy buộc ông Đặng Phú S trả cho bà Lê Thị Bích L số tiền lệ phí thẩm định giá là 12.850.000đ (mười hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

7. Về lệ phí đo đạc: Bà Lê Thị Bích L và ông Đặng Phú S phải nộp lệ phí là 4.173.099đ (bốn triệu một trăm bảy mươi ba nghìn không trăm chín mươi chín đồng) theo hóa đơn giá trị gia tăng số: 0001065 ngày 22/03/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, bà L, ông S, mỗi người phải nộp lệ phí là 2.086.549đ (hai triệu không trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi chín đồng) nhưng bà L đã nộp tạm ứng số tiền lệ phí đo đạc là 4.173.099đ (bốn triệu một trăm bảy mươi ba nghìn không trăm chín mươi chín đồng). Vì vậy buộc ông Đặng Phú S trả cho bà Lê Thị Bích L số tiền lệ phí đo đạc là 2.086.549đ (hai triệu không trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi chín đồng).

8. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Bích L nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà Lê Thị Bích L biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho ông Đặng Phú S biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Nhật